

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

S.G.P  
★

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – CTQ)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – CTQ)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – CTQ)	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05 - CTQ)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTQ)	9

## **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE**

### **THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**Giấy phép hoạt động**

Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013  
Số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014  
do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Ban Điều hành**

Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Chủ tịch Công ty
Bà Lê Thị Hồng Thái	Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
------------------	------------------

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

**Trụ sở chính**

Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower,  
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, hành phố Hồ Chí Minh,  
Việt Nam

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE


### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở cho việc soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của các báo cáo tài chính. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam. 

Thay mặt Ban Điều hành



Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Công ty

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI BAN ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACE LIFE

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 và được Ban Điều hành phê duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2015. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 4 đến trang 22.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các báo cáo tài chính

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh các trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền  
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4494  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015



Lại Hùng Phương  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2432-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2014 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>22.782.228.443</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>2.070.521.548</b>
111	Tiền	5.1	2.070.521.548
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>20.000.000.000</b>
128	Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	5.2	20.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>707.319.395</b>
131	Phải thu khách hàng	5.3	339.763.837
135	Các khoản phải thu khác	5.4	367.555.558
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.387.500</b>
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.387.500
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.821.326.667</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.177.083.942</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	5.5(a)	845.505.762
222	Nguyên giá		968.805.749
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(123.299.987)
227	Tài sản cố định vô hình	5.5(b)	310.845.600
228	Nguyên giá		345.384.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.538.400)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.5(c)	20.732.580
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>644.242.725</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	5.6	270.091.048
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.7	229.239.677
268	Tài sản dài hạn khác	5.8	144.912.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>24.603.555.110</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2014 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>520.513.816</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>520.513.816</b>
312	Phải trả người bán		22.618.444
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		24.968.727
315	Phải trả người lao động		53.481.000
316	Chi phí phải trả	5.9	418.878.500
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		567.145
<b>400</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>24.083.041.294</b>
<b>410</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>24.083.041.294</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000
420	Lỗi lũy kế		(916.958.706)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>24.603.555.110</b>



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái  
Giám đốc




Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Công ty  
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VND
01	Doanh thu	1.877.943.589
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.877.943.589</b>
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	(1.140.336.285)
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>737.607.304</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.085.761.797
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.969.567.484)
<b>30</b>	<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.146.198.383)</b>
31	Thu nhập khác	-
32	Chi phí khác	-
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>-</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(1.146.198.383)</b>
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
52	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	229.239.677
<b>60</b>	<b>Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(916.958.706)</b>

  
 Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Thị Hồng Thái  
 Giám đốc

  
  
 Lâm Hải Tuấn  
 Chủ tịch Công ty  
 Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VND
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>(1.146.198.383)</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:	
02	Khấu hao tài sản cố định	157.838.387
05	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	(1.085.761.797)
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(2.074.121.793)</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(344.151.337)
11	Tăng các khoản phải trả	520.513.816
12	Tăng chi phí trả trước	(270.091.048)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(144.912.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(2.312.762.362)</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(1.334.922.329)
25	Tiền chi để đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(20.000.000.000)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	718.206.239
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(20.616.716.090)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu	25.000.000.000
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>25.000.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>2.070.521.548</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1 <b>2.070.521.548</b>

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Lê Thị Hồng Thái  
Giám đốc

  
Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Công ty  
Ngày 25 tháng 3 năm 2015



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 24.10.2013 (ngày thành lập công ty) VND	Tăng vốn chủ sở hữu VND	Lỗ trong giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VND	Tại ngày 31.12.2014 VND
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	- 25.000.000.000		-	25.000.000.000
10	Lỗ lũy kế	-	-	(916.958.706)	(916.958.706)
		<u>- 25.000.000.000</u>	<u></u>	<u>(916.958.706)</u>	<u>24.083.041.294</u>

  
 Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Thị Hồng Thái  
 Giám đốc

  
  
 Lâm Hải Tuấn  
 Chủ tịch Công ty  
 Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh lần thứ nhất số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 11 nhân viên.

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam (“VND”).

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính được lập dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

**4.2 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư ngắn hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**4.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

**4.5 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của giấy phép thành lập và hoạt động nếu ngắn hạn. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.5 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**4.7 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Phí quản lý và phí thưởng hoạt động được ghi nhận khi được hưởng theo Điều lệ Quỹ.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Liên Kết Chung ACE Life, Quỹ Chủ Sở Hữu, Quỹ Chủ hợp đồng có tham gia chia lãi và Quỹ Chủ hợp đồng không tham gia chia lãi (“Quỹ”). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

**4.8 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.9 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của Bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**4.10 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt như giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**5.1 TIỀN**

	Tại ngày 31.12.2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.000.000
Tiền gửi ngân hàng	2.067.521.548
	<u>2.070.521.548</u>

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN KHÁC**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn ban đầu ít hơn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**5.3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại ngày 31.12.2014 VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 7(b))	339.763.837
	<u>339.763.837</u>

**5.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại ngày 31.12.2014 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	367.555.558
	<u>367.555.558</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-	-	-
Mua trong kỳ	452.196.387	181.046.612	<b>633.242.999</b>
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 5.5(c))	15.705.938	319.856.812	<b>335.562.750</b>
	<u>467.902.325</u>	<u>500.903.424</u>	<u><b>968.805.749</b></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>467.902.325</u>	<u>500.903.424</u>	<u><b>968.805.749</b></u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	(49.080.642)	(74.219.345)	<b>(123.299.987)</b>
	<u>(49.080.642)</u>	<u>(74.219.345)</u>	<u><b>(123.299.987)</b></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>(49.080.642)</u>	<u>(74.219.345)</u>	<u><b>(123.299.987)</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-	-	-
	<u>418.821.683</u>	<u>426.684.079</u>	<u><b>845.505.762</b></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>418.821.683</u>	<u>426.684.079</u>	<u><b>845.505.762</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm  
VND**

**Nguyên giá**

Tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-
Mua trong kỳ	17.269.200
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 5.5(c))	328.114.800
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	345.384.000
	<hr/>

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-
Khấu hao trong kỳ	(34.538.400)
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	(34.538.400)
	<hr/>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	310.845.600
	<hr/> <hr/>

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

**VND**

Số dư tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-
Tăng	684.410.130
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 5.5(a))	(335.562.750)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 5.5(b))	(328.114.800)
	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	20.732.580
	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>VND</b>
Số dư tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-
Tăng	336.388.192
Phân bổ trong năm	(66.297.144)
	<u>270.091.048</u>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>270.091.048</u>

**5.7 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	<b>Tại ngày 31.12.2014 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	<u>229.239.677</u>

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	<b>VND</b>
Số dư tại ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty)	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	229.239.677
	<u>229.239.677</u>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>229.239.677</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.7 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (tiếp theo)**

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

<b>Năm phát sinh lỗ</b>	<b>Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế</b>	<b>Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VND</b>
Giai đoạn từ ngày 24 tháng 10 năm 2013 (ngày thành lập công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.	Chưa quyết toán	1.146.198.383

Công ty ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là khả thi.

**5.8 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác bao gồm khoản ký quỹ thuê văn phòng.

**5.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Tại ngày 31.12.2014 VND</b>
Trích trước chi phí tiền lương	268.878.500
Các khoản trích trước khác	150.000.000
	<u>418.878.500</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.10 DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

**Giai đoạn  
từ 24.10.2013  
đến 31.12.2014  
VND**

Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư 1.877.943.589

**5.11 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

**Giai đoạn  
từ 24.10.2013  
đến 31.12.2014  
VND**

Chi phí nhân viên 651.417.726  
Chi phí thuê văn phòng 348.809.086  
Chi phí khấu hao tài sản cố định 87.687.993  
Các chi phí khác 52.421.480  
1.140.336.285

**5.12 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ là lãi tiền gửi nhận được.

**5.13 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

**Giai đoạn  
từ 24.10.2013  
đến 31.12.2014  
VND**

Chi phí nhân viên 2.318.720.546  
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng 279.047.268  
Chi phí khấu hao tài sản cố định 70.150.394  
Chi phí khác 301.649.276  
2.969.567.484

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.14 THUẾ**

Số thuế trên lỗ trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	<b>Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VND</b>
Lỗ kế toán trước thuế	(1.146.198.383)
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20%	(229.239.677)
Điều chỉnh:	
Chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(229.239.677)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	(229.239.677)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp	<u><u>(229.239.677)</u></u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng; và
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*(i) Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*(ii) Rủi ro giá*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

*(iii) Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm các khoản ngắn hạn với số tiền là 520.513.816 đồng Việt Nam là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

**7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE, một công ty được thành lập tại Việt Nam, sở hữu 100% vốn của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là ACE Limited, một công ty được thành lập tại Thụy Sĩ.

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>Giai đoạn từ 24.10.2013 đến 31.12.2014 VND</b>
<b><i>i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.12)</i></b>	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	1.877.943.589
<b><i>ii) Hoạt động tài chính</i></b>	
Nhận vốn góp từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	25.000.000.000
<b><i>iii) Giao dịch khác</i></b>	
Chi phí trả thay cho Công ty Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	204.667.816
Chi phí trả thay cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	22.734.000
<b><i>iv) Các khoản chi cho Ban Điều hành</i></b>	
Lương và các quyền lợi khác	1.242.150.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2013  
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**7 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư với các bên liên quan như sau:

	<b>2014 VND</b>
<b>Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 5.3)</b>	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	339.763.837
	339.763.837
<b>Các khoản phải trả khác</b>	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE	567.145
	567.145

**8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<b>2014 VND</b>
Dưới 1 năm	829.522.364
Từ 1 đến 5 năm	944.384.000
	1.773.906.364

Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành của Công ty duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2015.

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Lê Thị Hồng Thái  
Giám đốc



  
Lâm Hải Tuấn  
Chủ tịch Công ty